

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án Số: 18/2019/HSST

Ngày: 15/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tám.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Cương.
2. Ông Nguyễn Thành Loan.

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

- *Thư ký phiên tòa:* bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/3/2019, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-HSST ngày 01 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn S** - sinh năm 1994; Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn P, xã Đ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: tự do; Văn hóa: 6/12

Con ông: Phạm Văn Thảo – sinh năm 1955

Con bà: Nguyễn Thị Cháp- sinh năm 1952

Vợ: Nguyễn Thị Hương - sinh năm 1994, đã ly hôn

Con: Bị can có 01 con, sinh năm 2017

Anh chị em ruột: Gia đình có 04 anh chị em, bị can là con út

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 03/12/2018 đến 12/12/2018; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Đinh Văn Lục – sinh 1973, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thúy – sinh 1977, vắng mặt;

Đều HKTT: thôn Quế S, xã Thái S, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Ngô Đức Nghĩa – sinh 1986, có mặt;

HKTT và chỗ ở: thôn Tân Kết, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang;

+ Ông Phạm Văn Thảo – sinh 1955, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Cháp – sinh 1952, có mặt;

Đều HKTT và chỗ ở: thôn Phúc Thắng, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 16/KSĐT, ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố Phạm Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự 2015.

Hành vi của bị cáo theo cáo trạng: Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên buổi trưa ngày 22/11/2018, Phạm Văn S điều khiển xe điện nhãn hiệu Sunfat đến nhà anh Đinh Văn Lục- sinh năm 1973 ở thôn Quế S, xã Thái S, huyện Hiệp Hòa để vay tiền. Khi đến nhà anh Lục, S thấy gia đình anh Lục đang ăn cơm nên đỗ xe điện gần chiếc xe mô tô BKS 98D1- 006.58 của anh Lục để ở sân, rồi ngồi lên chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại ELEGANTYII, màu S đen - bạc, BKS 98D1- 006.58, để đợi gia đình anh Lục ăn cơm xong thì hỏi vay tiền. Trong khi chờ đợi, S lấy chìa khóa của chiếc xe điện cho vào ổ khóa của chiếc xe mô tô BKS 98D1- 006.58 thì thấy mở được ổ khóa điện nên S đã nảy sinh ý định trộm cắp. S điều khiển xe điện của mình đi ra đường tỉnh lộ 288 cách nhà anh Lục khoảng 100m và để xe điện ở gần cửa nhà chị Đào Thị Tuyền- sinh năm 1981 ở thôn Quế S, xã Thái S, huyện Hiệp Hòa, rồi cầm chìa khóa của xe điện đi bộ quay lại nhà anh Lục. Lúc này, S quan sát xung quanh vẫn không thấy ai trông coi chiếc xe mô tô BKS 98D1- 006.58 nên đã dắt chiếc xe này ra phía cổng nhà anh Lục và dùng chìa khóa xe điện mở khóa điện của xe mô tô vừa trộm cắp được rồi nổ máy đi đến cửa hàng sửa chữa chiếc xe mô tô của anh Ngô Đức Nghĩa- sinh năm 1986 ở thôn Tân Kết, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa bán xe mô tô vừa trộm cắp được cho anh Nghĩa lấy 1.000.000 đồng. Sau đó,

S xuống khu vực huyện Việt Yên chơi và tiêu hết số tiền bán xe được. Đến ngày 03/12/2018, biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện nên S đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, S khai nhận rõ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

Về phía anh Lục, sau khi ăn trưa xong thì đi ngủ, đến khoảng 13 giờ 30 phút anh Lục dậy thì phát hiện bị mất xe mô tô, nên đã đi tìm và phát hiện thấy có một chiếc xe điện ở gần cửa nhà của chị Tuyến ở cùng thôn. Sau khi kiểm tra, quan sát, anh Lục thấy chiếc xe điện giống xe mà Phạm Văn S thường sử dụng vì trước đó S có một thời gian làm thợ xây cho anh Lục. Do vậy, anh Lục đã đến gặp và hỏi bà Nguyễn Thị Cháp là mẹ đẻ của S. Bà Cháp xác nhận đúng là chiếc xe điện của bà đã cho S mượn sáng ngày 22/11/2018 để đi làm. Anh Lục đã trình báo Công an xã Thái S, huyện Hiệp Hòa. Qua xác minh, Công an xã Thái S đã tiến hành thu giữ chiếc xe điện và chiếc xe mô tô BKS 98D1- 006.58. Đến ngày 30/11/2018, Công an xã Thái S đã chuyển tài liệu và vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định số 04/QĐ trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa định giá chiếc xe mô tô mà Phạm Văn S đã trộm cắp của anh Lục ngày 22/11/2018. Tại kết luận số 33/KL-HĐĐG ngày 07/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại ELEGANTYII, màu S đen - bạc, BKS 98D1- 006.58 trị giá là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử lý vật chứng số 11/QĐ trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu BKS 98D1- 006.58 cho anh Đinh Văn Lục. Anh Lục đã nhận lại chiếc xe và không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc xe điện nhãn hiệu Sunfat mà S dùng để làm phương tiện đi đến nhà anh Lục trộm cắp chiếc xe mô tô ngày 22/11/2018. Qua xác minh, chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Cháp (mẹ đẻ của S) cho S mượn để đi làm. Ngày 14/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ trả lại cho bà Cháp chiếc xe điện đã nêu trên.

Đối với anh Ngô Đức Nghĩa là người đã mua chiếc xe mô tô mà S đã trộm cắp của anh Lục nhưng khi mua anh Nghĩa không biết đó là tài sản do S trộm cắp mà có. Đến ngày 23/11/2018, sau khi biết đó là xe do S trộm cắp, anh Nghĩa

đã trả lại chiếc xe mô tô cho ông Phạm Văn Thảo (là bố đẻ S) và ông Thảo đã trả cho anh Nghĩa 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau đó, ông Thảo đã giao nộp xe cho Công an xã Thái S để xử lý.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i-s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và phạt S từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không phạt bổ sung; buộc bị cáo chịu án phí HSST.

Bị cáo bào chữa: Không có lời tranh luận;

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin hứa không vi phạm nữa, xin giảm nhẹ;

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai bị cáo và tự bào chữa của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên; kết luận định giá, lời khai nhân chứng có trong hồ sơ và vật chứng thu được.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Văn S mặc dù không chủ động trước, nhưng khi thấy sơ hở của gia đình anh Lục, S đã nảy sinh chiếm đoạt và đã thực hiện hành vi dùng chìa khóa xe điện của mình mở xe mô tô của anh Lục, dắt xe ra cổng nổ máy đi và đem bán cho anh Nghĩa lấy 1.000.000 đồng, dùng tiền đó ăn tiêu hết. Định giá chiếc xe mô tô là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ngày 03/12/2018 S đầu thú; bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm, thực hiện hành vi là cố ý với mục đích là chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được. Theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn S tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai người bị hại, nhân chứng vụ án, tang vật chứng

thu được. Xét đã có đủ cơ sở kết luận cho Phạm Văn S phạm vào tội < Trộm cắp tài sản >, việc Viện kiểm sát truy tố- Toà án nhân dân Hiệp Hoà đưa ra xét xử hôm nay theo khoản 1 điều 173 bộ luật hình sự, là hoàn toàn đúng người- đúng tội và đúng pháp luật .

Hành vi phạm tội của Phạm Văn S là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự địa phương, gây thiệt hại đến tài sản người khác, hành vi rất táo bạo lấy xe ban trưa tại sân nhà anh Lục, khi thực hiện anh Lục cùng gia đình đang ăn cơm và dắt xe ra ngoài đường nổ máy đi; chỉ vì muốn có tiền ăn chơi. Nay cần có bản án và hình phạt, mới có tác dụng giáo dục cho bị cáo để thành công dân tốt sau này và cũng là phòng ngừa chung ngoài xã hội. Tuy nhiên, xét thấy rằng tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng nào, việc cách ly bị cáo là không cần thiết, bị cáo có đủ điều kiện để cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền, sự bảo đảm của gia đình, có lẽ sẽ trở lại thành công dân tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú, đi bộ đội hoàn thành nghĩa vụ, cùng gia đình khắc phục hậu quả dân sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i-s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo không tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản trộm cắp chỉ 4.000.000 đồng (khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với giá trị cao nhất đến 50.000.000 đồng); nay cần thiết giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình và nên xử S mức 07 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy rằng bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng nào, việc cách ly bị cáo là không cần thiết, bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền, sự bảo đảm của gia đình, có lẽ sẽ trở lại thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật Hình sự “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề tự do không thu nhập thường xuyên, ở chung cùng bố mẹ, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Không có.

[7] Về dân sự vụ án: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận tài sản, tiền; ông Thảo bố bị cáo trả anh Nghĩa 1.000.000 đồng tiền bị cáo bán xe

trộm cắp, nay ông không yêu cầu bị cáo trả; vậy nên về dân sự không phải xem xét trong vụ án.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của BL TTHS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố Phạm Văn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Văn S 07(bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn S cho UBND xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Văn S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTWQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[3] Quyền kháng cáo: Áp dụng điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Thi hành án huyện Hiệp Hòa
- UBND xã Đ, Hiệp Hòa
- Bị cáo
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tám